

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ MỚI
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 152/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 18/7/2019

V/v tranh chấp ly hôn, về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Anh Thư.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Lâm Sơn;

2. Bà Hoàng Thị Thiện Lai;

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Kiệt, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Tôn Văn Xuyên, Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 171/2019/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 02 năm 2019 về tranh chấp “ly hôn, về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 165/2019/QĐXX-ST ngày 30 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Triệu Thị Mỹ H, sinh năm 1997; địa chỉ: ấp H, xã Đ, huyện C, tỉnh An Giang (Có mặt).

2. Bị đơn: Anh Ngô Văn M, sinh năm 1990; địa chỉ: ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh An Giang (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, tờ tự khai và các biên bản hòa giải nguyên đơn chị Triệu Thị Mỹ H trình bày: Chị và anh Ngô Văn M do tự tìm hiểu và tổ chức lễ cưới vào năm 2012, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Vợ chồng sống hạnh phúc đến cách nay khoảng 03 năm thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không hợp tính tình nên thường cãi nhau, dẫn đến mâu thuẫn ngày càng

nhiều, và không còn sống chung từ đó đến nay. Từ khi không còn chung sống, hai bên không tới lui hàn gắn, cha mẹ hai bên không dàn xếp, hàn gắn. Nay, xác định tình cảm không còn nên yêu cầu ly hôn với anh Ngô Văn M. Về quan hệ con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Ngô Thị Anh T, sinh ngày 20/01/2014 (hiện do chị H chăm sóc, nuôi dưỡng). Khi ly hôn, chị H yêu cầu được chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con chung. Về quan hệ tài sản chung: Không có. Về quan hệ nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa, chị H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn anh Ngô Văn M trình bày: Thống nhất theo lời trình bày của vợ (H) về thời gian kết hôn, thời gian chung sống, thời gian xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do anh thấy vợ nói chuyện điện thoại với người khác, nên trong lúc tức giận, anh có đánh vợ một lần rồi vợ về nhà cha mẹ ruột sinh sống và không còn sống chung khoảng 02 năm đến nay. Nay, đối với yêu cầu ly hôn của vợ, anh không đồng ý vì còn thương vợ, yêu cầu được hàn gắn. Tòa án tạo điều kiện cho vợ chồng hàn gắn, nhưng anh không hàn gắn được tình cảm vợ chồng. Về quan hệ con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Ngô Thị Anh T, sinh ngày 20/01/2014 (hiện do chị H chăm sóc, nuôi dưỡng). Trường hợp, Tòa án chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của chị H, thì anh M yêu cầu được chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung. Về quan hệ tài sản chung: Vợ chồng có 01 căn nhà thiếc, trị giá khoảng 30.000.000 đồng, nhưng anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về quan hệ nợ chung: Không có.

Đại diện viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng. Về ý kiến giải quyết: Về hôn nhân: Chị Triệu Thị Mỹ H và anh Ngô Văn M kết hôn năm 2012, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật vào ngày 18/11/2015 tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ Hội Đông, là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Mặc dù, tại thời điểm kết hôn năm 2012, chị H chưa đủ 18 tuổi, nhưng hiện nay chị H không có yêu cầu gì về vấn đề này, nên không đề cập giải quyết.

Chị H cho rằng: Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, vợ chồng thường xuyên cãi nhau dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, nên đã ly thân từ năm 2016 đến nay. Nay, nhận thấy tình cảm không còn, chị H yêu cầu ly hôn với anh M.

Anh M cho rằng: Anh không đồng ý ly hôn vì còn thương vợ con.

Xét thấy, thời gian vợ chồng ly thân đến nay, chị H gửi đơn khởi kiện đến Tòa án, anh M không đồng ý ly hôn và có yêu cầu thời gian để vợ chồng hàn gắn tình cảm, nhưng cả hai không tạo điều kiện cho nhau hàn gắn tình cảm vợ chồng. Mặt khác, chị H xác định mâu thuẫn giữa chị và anh M ngày càng trầm trọng, không còn tình cảm với anh M, vì vậy nếu tiếp tục chung sống sẽ không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không

đạt được. Nên, căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H đối với anh M.

Về con chung: Có 01 con chung tên Ngô Thị Anh T, sinh ngày 20/01/2014, hiện đang được chị H chăm sóc, nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn, chị H yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con. Anh M yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, từ khi chị H và anh M ly thân đến nay, cháu T sống với chị H được chăm sóc, nuôi dưỡng tốt, phát triển bình thường về thể chất và tinh thần. Riêng, anh M cho rằng anh có điều kiện chăm sóc nuôi dưỡng cháu T, nhưng hiện tại anh đi làm thuê tại Sa Đéc, nếu để anh chăm sóc nuôi dưỡng cháu T sẽ gây khó khăn về sự phát triển của cháu. Vì vậy, để cháu T có điều kiện được chăm sóc và phát triển bình thường, nghĩ nên để chị H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu T, anh M không phải cấp dưỡng nuôi con là phù hợp các Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về tài sản chung: Do chị H và anh M tự thỏa thuận nên không đề cập giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không đề cập giải quyết.

Từ phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xem xét quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Chị Triệu Thị Mỹ H yêu cầu ly hôn với anh Ngô Văn M, anh M có nơi cư trú ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Anh Ngô Văn M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh M là có căn cứ.

[2] Chị Triệu Thị Mỹ H yêu cầu ly hôn với anh Ngô Văn M. Chị H và anh M có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên quan hệ hôn nhân giữa hai người được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Theo chị H trình bày trong quá trình chung sống vợ chồng, thường phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, không hợp tính tình nên thường hay cãi nhau dẫn đến mâu thuẫn ngày càng nhiều và không còn sống chung khoảng 03 năm đến nay, anh M trình bày nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn do vợ điện thoại với người khác, trong lúc tức giận anh có đánh vợ nên vợ chồng xảy ra cự cãi, mâu thuẫn của vợ chồng không lớn chưa đến mức phải ly hôn, anh yêu cầu được hàn gắn, không đồng ý ly hôn, vì con tHvợ. Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn giữa chị H và anh M đã diễn ra trong thời gian dài nguyên nhân chủ

yếu là vợ chồng bất hòa trong cuộc sống, anh M ghen tuông vô cớ và có hành vi bạo lực gia đình. Trong quá trình giải quyết, Tòa án đã tạo điều kiện để vợ chồng hàn gắn tình cảm vợ chồng nhiều lần, nhưng anh M và chị H không hàn gắn được và tại phiên tòa hôm nay chị H vẫn kiên quyết ly hôn, anh M được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham dự phiên tòa, nhưng anh vẫn vắng mặt, điều này thể hiện tình cảm vợ chồng giữa chị H và anh M đã mâu thuẫn trầm trọng, anh M không có thiện chí hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, nếu chung sống với nhau cũng không hạnh phúc. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Triệu Thị Mỹ H là phù hợp theo quy định pháp luật.

[3] Về quan hệ con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Ngô Thị Anh T, sinh ngày 20/01/2014. Chị Hương, anh M xác định, từ khi vợ chồng không còn chung sống thì cháu T do chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị H, anh M đều yêu cầu được chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Xét thấy, từ khi vợ chồng không còn chung sống với nhau cháu T do chị H chăm sóc, nuôi dưỡng nên tâm tư, tình cảm của các cháu gắn liền với người nuôi dưỡng, nếu thay đổi sẽ làm ảnh hưởng đến tâm lý và sự phát triển bình thường của cháu. Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ thì chị H có việc làm, thu nhập ổn định tại địa phương, nhà gần trường học, trạm y tế và cháu T được chị H nuôi dưỡng vẫn phát triển bình thường. Đối với anh M thì hiện nay đi làm thuê cho người khác ở thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp, đến khi có công việc mới về nhà. Xuất phát từ lợi ích mọi mặt của cháu, do đó cần phải tạo điều kiện cho sự phát triển về thể chất, bảo đảm việc học hành và các điều kiện cho sự phát triển tốt về tinh thần. Căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử thấy cần phải giao cháu T cho chị H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với pháp luật.

[4] Đối với cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[5] Về quan hệ tài sản chung: Chị H trình bày không có nên Hội đồng xét xử không đề cập đến. Riêng, đối với anh M cho rằng vợ chồng có một căn nhà thiếc, trị giá khoảng 30.000.000 đồng, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập đến, nếu anh có yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng sau khi ly hôn sẽ được giải quyết bằng một vụ kiện khác.

[6] Về quan hệ nợ chung: Chị H, anh M trình bày không có nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[7] Án phí hôn nhân sơ thẩm: Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: - Các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 144, Điều 147 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

- Các Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Triệu Thị Mỹ H đối với anh Ngô Văn M.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Triệu Thị Mỹ H được ly hôn với anh Ngô Văn M.

Giấy chứng nhận kết hôn **số 300, ngày 18 tháng 11 năm 2015** do Ủy ban nhân dân **xã Mỹ Hội Đông**, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang cấp cho **anh** Ngô Văn M **và chị** Triệu Thị Mỹ H không còn giá trị pháp lý.

- Về quan hệ con chung: Chị Triệu Thị Mỹ H được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Ngô Thị Anh T, sinh ngày 20/01/2014 (hiện do chị H chăm sóc, nuôi dưỡng). Anh Ngô Văn M không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Triệu Thị Mỹ H cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở anh Ngô Văn M trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

- Về quan hệ tài sản chung: Không có.

- Về quan hệ nợ chung: Không có. Ghi nhận việc chị Triệu Thị Mỹ H, anh Ngô Văn M xác định không có nợ chung trong thời kỳ hôn nhân, nhưng sau khi quyết định ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có người khởi kiện xuất trình chứng cứ chứng M nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân, thì chị H và anh M phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, chị Triệu Thị Mỹ H phải chịu, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, theo biên lai thu số 0012631 ngày 18/02/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang. Chị H đã nộp đủ án phí.

Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND H. Chợ Mới;
- TAND tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS H. Chợ Mới;
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Anh Thư

